

Số: /TC-STP

Lai Châu, ngày tháng 01 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2025

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2025, như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2025, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành **29** văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

I. Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Nghị quyết số 95/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Ban hành Bảng giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Nghị quyết số 101/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

5. Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023; số 07/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 được sửa đổi, số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

6. Nghị quyết số 103/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người

học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2025-2026.

7. Nghị quyết số 105/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8. Nghị quyết số 106/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức chi cho các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

9. Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

10. Nghị quyết số 109/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 59/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

11. Nghị quyết số 110/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

12. Nghị quyết số 112/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 Quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được uỷ quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

13. Nghị quyết số 113/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác tại các xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 Bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 Ban hành Quy định về phân cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Quy định thời hạn

gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

5. Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

6. Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

7. Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8. Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu.

9. Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh.

10. Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 Phân cấp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

11. Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: Số 41/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024; số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024; số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024; số 21/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và thị trường bất động sản.

12. Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Phân cấp trong

quản lý nhà nước đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng.

13. Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

14. Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

15. Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

16. Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trên cơ sở thông tin do các sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 29 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2025 như sau:

1. Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1.1 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 31 tháng 12 năm 2026.

Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025 và Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh; được áp dụng cho năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025; định mức phân bổ gắn với chính quyền địa phương 03 cấp (tỉnh, huyện, xã).

Ngày 16/7/2025, Văn phòng Quốc hội ban hành Thông báo số 2552/TB-VPQH về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 2026, trong đó quy định *“Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với đề nghị của Chính phủ và kiến nghị của cơ quan thẩm tra trình Quốc hội xem xét, quyết định việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022- 2025 sang năm 2026; đồng thời không ban hành Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 2026”*.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 (Hội nghị lần thứ 11) của Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XIII. Ngày 04/11/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Do vậy, Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Để có cơ sở pháp lý cho việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; việc UBND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên là cơ sở

pháp lý cho công tác xây dựng và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026; xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã năm 2026 theo quy định của Luật NSNN.

Phân bổ nguồn lực chi thường xuyên, đảm bảo nguồn kinh phí cần thiết để các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các chế độ an sinh xã hội theo lĩnh vực, địa bàn theo phân cấp hiện hành với yêu cầu sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước.

Tăng quyền hạn, tính chủ động, gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.3. Nội dung chủ yếu

* Nghị Quyết số 94/2025/NQ-HĐND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

* Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm 21 Điều;

Mục 1. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

Mục 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Tiểu mục 1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính

Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi của các cơ quan Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; các cơ quan quản lý nhà nước

Tiểu mục 2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi các lĩnh vực sự nghiệp; tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được nhà nước giao

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin; phát thanh, truyền hình; thể dục, thể thao; bảo vệ môi trường; bảo đảm xã hội; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi hoạt động kinh tế khác

Điều 7. Định mức phân bổ chi của sự nghiệp giao thông

Điều 8. Tiêu chí, định mức phân bổ với các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Tiểu mục 3: Định mức phân bổ chi đối với chi quốc phòng – an ninh; chi khác ngân sách

Điều 9. Định mức phân bổ chi quốc phòng - an ninh

Điều 10. Định mức phân bổ chi khác

Mục 3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của các xã, phường

Tiểu mục 1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

Điều 11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi của cơ quan Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; các cơ quan quản lý nhà nước

Tiểu mục 2. Định mức phân bổ chi các lĩnh vực sự nghiệp

Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao; Phát thanh – truyền hình

Điều 14. Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

Điều 16. Định mức phân bổ chi Quốc phòng

Điều 17. Định mức phân bổ chi An ninh

Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

Mục 4. Định mức phân bổ chi đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp xã theo quy định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ

Điều 19. Tiêu chí, định mức phân bổ

Mục 5. Định mức phân bổ chi khác, chi dự phòng ngân sách

Điều 20. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của cấp xã

Điều 21. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương

2. Nghị quyết số 95/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.1 Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 95/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực từ ngày 20/12/2025.

Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Đầu tư công năm 2024 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm là *“Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”*.

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước kèm theo Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”*.

Để có cơ sở, căn cứ pháp lý cho việc lập, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, với mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, tạo động lực quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thì việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là rất cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 là căn cứ cho việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030; phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm

vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; bảo đảm phân bổ vốn đúng mục tiêu, đối tượng, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí, nâng cao tính công khai, minh bạch; tăng cường hơn nữa hiệu quả trong công tác phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

2.3. Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 95/2025/NQ-HĐND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

3. Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Ban hành Bảng giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định giá đất 5 năm giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Trong thời gian qua, tỉnh Lai Châu đã tổ chức thực hiện dự án điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024 để thực hiện đến hết ngày 31/12/2025 bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Việc điều chỉnh bảng giá đất đã được tiến hành đúng trình tự, có sự phối hợp giữa các ngành, các cấp và được thông qua, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc quản lý, sử dụng đất đai, tính thuế, phí, lệ phí và xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 159 của Luật Đất đai 2024: “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026...”; đồng thời, tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ

quy định: “Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất...”. Do đó, việc Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Bảng giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu áp dụng từ ngày 01/01/2026 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai năm 2024.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết Bảng giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026 theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 làm cơ sở áp dụng cho các trường hợp quy định tại Điều 159 Luật Đất đai, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khi Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

3.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 100/2025/NQ-HĐND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Điều 2. Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 3. Tiêu chí xác định khu vực, vị trí và các nội dung khác chưa được quy định trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

4. Nghị quyết số 101/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 101/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Nghị quyết số 57/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức cho hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” quy định: “Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập

dự toán chi cho việc thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”; ngày 09/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025.

Trước khi ban hành Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND, tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 qua các năm: năm 2019 đạt 90,2%, năm 2020 đạt 91,5% và năm 2021 đạt 92,9% (theo báo cáo hằng năm của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh). Sau khi Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND được ban hành, giai đoạn 2022–2025, toàn tỉnh đã tổ chức 398 lớp xóa mù chữ cho 8.511 người; tỷ lệ người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 giảm từ 7,11% (20.304 người) năm 2021 xuống còn 4,4% (13.168 người) năm 2025. Tỷ lệ người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 cũng giảm đáng kể, từ 25,99% (73.236 người) năm 2021 xuống còn 17,2% (51.013 người) năm 2025.

Sau 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, kết quả đạt được cho thấy tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 tăng lên 95,6% và mức độ 2 đạt 82,8%. Việc ban hành Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND về quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ giai đoạn 2022–2025 đã phát huy hiệu quả thiết thực, tạo động lực quan trọng giúp nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của người dân và góp phần rõ rệt vào việc giảm mạnh tỷ lệ người chưa đạt chuẩn biết chữ, qua đó nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện chủ trương về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030 duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 và có 70% xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (theo chỉ tiêu trong Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 22/4/2024 của Tỉnh ủy). Để đạt được mục tiêu này, việc huy động số người còn mù chữ trong độ tuổi tham gia các lớp học xóa mù chữ cần tiếp tục được tăng cường và triển khai hiệu quả.

Tính đến tháng 8 năm 2025, trên địa bàn tỉnh còn khoảng 13.168 người trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi chưa đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 và 51.013 người chưa đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, chủ yếu tập trung trong nhóm tuổi từ 36 đến 60 tuổi. Đây phần lớn là người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, nên việc tiếp cận giáo dục còn nhiều hạn chế.

Do đó, để tiếp tục giảm tỷ lệ người chưa biết chữ trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng và ban hành Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm phù hợp với thực tế, bảo đảm tính hợp lý thống nhất trong toàn tỉnh, làm căn cứ pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác xóa mù chữ.

4.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 101/2025/NQ-HĐND gồm 5 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 3. Nội dung, mức chi hỗ trợ

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

5. Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023; số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024; số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 20/12/2025.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ đào tạo Đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030. Qua 02 năm thực hiện Nghị quyết đã góp phần tạo nguồn tuyển dụng giáo viên cho tỉnh.

Thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức thưởng đối với học sinh, giáo viên, chuyên gia, người phụ trách trong công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau 03 năm tổ chức thực hiện công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi và bồi dưỡng học sinh giỏi theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và tôn vinh thầy và trò đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi; đồng thời là căn cứ để xét tuyển sinh cho học sinh ưu tiên tuyển thẳng vào các trường Đại học; xét các danh hiệu thi đua, nâng ngạch cho đội ngũ nhà giáo.

Tuy nhiên, thực hiện Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỉnh Lai Châu đã hoàn thành việc sáp nhập, thành lập và chính quyền địa phương hai cấp đã đi vào hoạt động bắt đầu từ tháng 7/2025 (giải thể chính quyền địa phương cấp huyện).

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các Thông tư về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục,

trong đó cơ bản các chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện được giao cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

Một số nội dung trong Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 vẫn còn quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp huyện tổ chức; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 còn quy định Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chi trả kinh phí hỗ trợ đối với người được cử đi đào tạo là viên chức đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý. Do đó không còn phù hợp chính quyền địa phương hai cấp.

Đồng thời theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thì các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp huyện tổ chức (phòng GD&ĐT các huyện, thành phố tổ chức) được quy định chuyển từ phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện, Trưởng phòng giáo dục và đào tạo thành Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức, mà trong các Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 chưa quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp xã tổ chức; Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 chưa quy định Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chi trả kinh phí hỗ trợ đối với người được cử đi đào tạo là viên chức đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý; Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023 chưa quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức thưởng đối với học sinh, giáo viên, chuyên gia, người phụ trách trong công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa cấp xã.

Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023; số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024; số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết, đồng thời phù hợp với thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: Số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023, số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024;

số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phù hợp với thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (bãi bỏ cấp huyện) và quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo do cấp xã tổ chức; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo việc tiếp nhận, thẩm định, chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo Đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030 do cấp xã quản lý; đảm bảo thực hiện theo phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, tạo nguồn và tôn vinh học sinh học sinh giỏi, giáo viên dạy giỏi, giáo viên bồi dưỡng có học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp.

4.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 102/2025/NQ-HĐND gồm 4 Chương, 5 Điều;

Chương I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức thưởng đối với học sinh, giáo viên, chuyên gia, người phụ trách trong công tác tập huấn, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa trên địa bàn tỉnh

Điều 1. Thay thế một số từ, cụm từ tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 và Điều 4 như sau:

Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành tiếng anh, tin học, âm nhạc, mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030

Điều 2. Thay thế cụm từ tại khoản 3 Điều 8 như sau:

Chương III. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của hội đồng nhân dân tỉnh

Điều 3. Thay thế một số từ tại Điều 1, Điều 3 của Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu như sau:

Chương IV. Điều khoản thi hành

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

6. Nghị quyết số 103/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2025-2026.

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 103/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022-2023 đến hết năm học 2025-2026.

Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022-2023 đến hết năm học 2025-2026.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể*”.

Ngày 26/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 217/2025/QH/QH15 về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (gọi tắt là *Nghị quyết số 217/2025/QH/QH15*). Tại Điều 2 Nghị quyết số 217/2025/QH/QH15, quy định:

“Điều 2. Chính sách miễn, hỗ trợ học phí

1. Miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập.

2. Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. Mức hỗ trợ học phí do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo khung học phí do Chính phủ quy định nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục....”

Ngày 03/9/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (gọi tắt là Nghị định số 238/2025/NĐ-CP), quy định: “..Nghị định này quy định về khung học phí, cơ chế thu, quản lý học phí, chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo...” đồng thời “...Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo...”.

Khoản 1 và khoản 7 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Khung học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông...”

7. Căn cứ khung học phí quy định tại Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục...”

Khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định:

“2. Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cụ thể như sau:

a) Nhà nước cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện miễn học phí đối với người học thuộc các đối

tượng miễn học phí quy định tại Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định....

3. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo học trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân... ”.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện mức thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 - 2023 đến hết năm học 2025 - 2026. Mức học phí được quy định trên không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Do đó, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2025 - 2026 để làm cơ sở cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Mục đích ban hành

Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2025 - 2026 nhằm:

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công bằng trong tiếp cận giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng chính sách xã hội; đồng thời bảo đảm an sinh xã hội, giảm bớt gánh nặng kinh tế cho các gia đình, đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

Bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương và các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục.

Là căn cứ để ngân sách nhà nước cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; là cơ sở để tính mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

6.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 103/2025/NQ-HĐND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức học phí

Điều 4. Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

7. Nghị quyết số 105/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 105/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 20/12/2025.

Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đối với các hoạt động và thời gian được hưởng hỗ trợ cho các đối tượng phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; tỉnh Lai Châu đã ban hành các văn bản như: Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 17/10/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 03/10/2025 về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về việc thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh Lai Châu để triển khai thực hiện tại địa phương.

Ngày 29/8/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trong đó

tại khoản 1 Điều 5 quy định: “*Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư này: Căn cứ mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương bổ sung, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban bầu cử cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc quyết định (trong trường hợp được Hội đồng nhân dân giao) mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.*”

Do đó, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất về mức chi trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Đảm bảo thống nhất nội dung và mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

7.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 105/2025/NQ-HĐND gồm 5 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung, mức chi và thời gian được hưởng

Điều 3. Nguồn kinh phí

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

8. Nghị quyết số 106/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức chi cho các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 106/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 79/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát

thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 79/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 Quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu và tổ chức triển khai thực hiện; các sở, ngành, địa phương, đơn vị đã thực hiện việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí cho các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính bảo đảm kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng quy định. Hằng năm, các sở, ngành đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định và công bố, công khai thủ tục hành chính; cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính đã chủ động cập nhật thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh bảo đảm các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, giải quyết và trả kết quả cho công dân được kịp thời, đúng quy trình, quy định. Qua đó đã góp phần nâng cao chỉ số cải cách thủ tục hành chính hằng năm của tỉnh, tạo ấn tượng tốt đối với công dân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, một số văn bản dẫn chiếu xây dựng Nghị quyết số 79/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, theo đó Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã sẽ thực hiện nhiệm vụ tham mưu và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị. Các thủ tục hành chính của cấp huyện trước khi kết thúc hoạt động cơ bản được phân cấp về cấp xã; đồng thời, việc thực hiện thủ tục hành chính không xác định địa giới hành chính được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, do đó, việc kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã tăng lên.

Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp

luật của tỉnh và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thì việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cho các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

- Nhằm cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương, của tỉnh về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính và việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

- Là cơ sở để lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí và kịp thời điều chỉnh mức chi cho các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

8.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 106/2025/NQ-HĐND gồm 4 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức chi cho các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành

9. Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

9.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Hiện nay, việc cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và được cụ thể hóa tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và

sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 84/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trong đó quy định: *“Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương”*.

Từ năm 2011 đến nay, nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác đạt 235.448 triệu đồng, chiếm 5,5%/tổng nguồn vốn; đã giải ngân 234.185 triệu đồng cho 210 hộ nghèo, 3.097 hộ vay giải quyết việc làm, 08 hộ vay chương trình tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Tiếp tục thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 và Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 310-KH/TU ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy, ngân sách cấp tỉnh phải trích hàng năm để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh.

Theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ, chính sách tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn trung ương được thực hiện đối với hộ nghèo và các nhóm đối tượng khác gồm: Hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ, người có đất bị thu hồi, người chấp hành xong án phạt tù, người lao động, thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân, hộ gia đình và các đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trong đó:

Chỉ đề xuất tập trung cho vay đối với hộ nghèo và các nhóm đối tượng khác (gồm: Hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ, người có đất bị thu hồi, người chấp hành xong án phạt tù, người lao động, thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân, hộ gia đình). Đây là các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, khó tiếp cận vốn vay từ tổ chức tín dụng thương mại do phải có bảo đảm tiền vay (Đối với nguồn vốn tín dụng chính sách, theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội, các khoản vay đến 100 triệu đồng không phải bảo đảm tiền vay).

Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính bổ sung quy định cho phép Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế xử lý các khoản nợ bị rủi ro khách quan khác ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan đã được Thủ tướng Chính phủ quy định.

Về xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan, Thủ tướng Chính phủ đã ban

hành đầy đủ các quy định về xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội (*Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội; Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ*); các quy định này đã bao quát đầy đủ các đối tượng và nguyên nhân khách quan có thể phát sinh trong thực tế như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, rủi ro bất khả kháng,.... Qua rà soát và báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thực tiễn triển khai tại tỉnh Lai Châu từ trước đến nay chưa phát sinh trường hợp nào thuộc diện nợ rủi ro khách quan khác ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan so với các quy định.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Nghị quyết làm cơ sở pháp lý cho việc phân bổ, giao dự toán, quản lý sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương, hỗ trợ thiết thực cho các nhóm yếu thế, góp phần giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

9.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 108/2025/NQ-HĐND gồm 5 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

10. Nghị quyết số 109/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 59/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

10.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 109/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày

01/01/2026.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương theo hai cấp đảm bảo tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, một số cơ quan cấp tỉnh đã được sắp xếp lại; chính quyền cấp huyện kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025; chính quyền cấp xã đã được sắp xếp lại còn 38 xã/phường. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05/9/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Do đó quy định một số mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến tại Nghị quyết 59/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu đã không còn phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và các quy định của cấp trên.

Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương và yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới thì việc xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Thực hiện kịp thời, đồng bộ các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phân định thẩm quyền giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã. Khắc phục những bất cập phát sinh do thay đổi mô hình tổ chức chính quyền địa phương; đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong triển khai chính sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Cập nhật các văn bản dẫn chiếu kịp thời đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong triển khai chính sách.

10.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 109/2025/NQ-HĐND gồm 6 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 4 như sau:

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

Điều 4. Thay thế cụm từ như sau:

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

11. Nghị quyết số 110/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

11.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 110/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 đến hết 31/12/2030.

Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, ngày 13/7/2023 Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết được triển khai thực hiện trong 3 năm (từ năm 2023 đến năm 2025). Kết quả thực hiện đã đạt được những hiệu quả thiết thực, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao tỷ lệ bao phủ BHYT của tỉnh; tỷ lệ người dân tham gia BHYT năm 2023 đạt 91,4%, tăng 9,3%; năm 2024 đạt 94%, tăng 2,6% so với năm 2023; tuy nhiên năm 2025 (tính đến tháng 10) đạt 89%, giảm 5% so với năm 2024. Nguyên nhân giảm là do: i) Năm 2025 đối tượng học sinh, sinh viên; đối tượng hộ gia đình nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giảm 10% mức hỗ trợ đóng BHYT theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND, dẫn đến giảm 18.245 người tham gia (trong đó: học sinh, sinh viên 7.880 người; hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình 10.365 người); 15.265 người giảm thẻ BHYT do thoát nghèo, trong đó 11.740 người tăng sang đối tượng người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội khó khăn, giảm 3.525 người không thuộc các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng BHYT;

ii) Tăng mức đóng BHYT do tăng lương cơ sở từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng từ tháng 7/2024; iii) Nhận thức về giá trị và lợi ích của việc tham gia, BHYT của nhiều người dân còn hạn chế...

Dự báo trong các năm tới, nhóm người không được ngân sách hỗ trợ đóng BHYT tiếp tục tăng do giảm nghèo và hoàn thành chương trình nông thôn mới. Đối với các nhóm yếu thế, nếu không được hỗ trợ mua thẻ BHYT, với các chi phí dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện công lập như hiện nay, người dân đến khám chữa bệnh nếu không có thẻ BHYT sẽ phải chi trả một khoản tiền không nhỏ; chính vì vậy, người dân khi ốm đau sẽ hạn chế đến cơ sở y tế, khi đến cơ sở y tế bệnh thường nặng, khó cứu chữa, tốn kém nhiều chi phí khám chữa bệnh, nguy cơ dẫn đến đói nghèo và tái nghèo cao, ảnh hưởng tới an sinh xã hội, chất lượng cuộc sống và tác động đến thành quả phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới và thực hiện lộ trình BHYT toàn dân.

Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và bãi bỏ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ. Tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định: “UBND tỉnh căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh”.

Vì vậy, để triển khai thực hiện Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời góp phần ổn định đời sống và bảo vệ sức khỏe nhân dân, giúp người dân khó khăn có nguồn hỗ trợ kịp thời để tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, giảm gánh nặng chi phí y tế, tạo điều kiện để người dân, đặc biệt là người yếu thế, người dân tộc thiểu số, vùng khó khăn được chăm sóc sức khỏe toàn diện, góp phần giảm nguy cơ đói nghèo do bệnh tật; đảm bảo chỉ tiêu bao phủ BHYT đến năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và mục tiêu Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới thì việc ban hành chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết và đảm bảo theo quy định.

b) Mục đích ban hành

Nhằm duy trì bền vững và tăng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, góp phần ổn định đời sống, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giảm gánh nặng chi phí y tế cho người dân. Phân đầu thực hiện đạt mục tiêu đến năm 2026, tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số, đến năm 2030 đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân theo Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới.

11.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 110/2025/NQ-HĐND gồm 4 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ, nguồn kinh phí

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành

12. Nghị quyết số 112/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 Quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

12.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 112/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2026.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Theo báo cáo kết quả thực hiện của UBND các xã, phường từ ngày 01/7/2025 đến ngày 15/10/2025 đã chứng thực bản sao từ bản chính là 70.776 bản; chứng thực chữ ký là 4.724 việc; chứng thực hợp đồng, giao dịch là 1.972 việc; chứng thực chữ ký người dịch là 51 việc (trong đó một số xã, phường có số lượng các thủ tục hành chính về chứng thực phát sinh nhiều như: xã Tủa Sín Chải; xã Sìn Hồ; xã Tà Tổng; xã Pa Tần; phường Tân Phong, phường Đoàn Kết...). Có 16/38 xã, phường đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong công tác chứng thực để Chủ tịch UBND các xã phường có cơ sở để ủy quyền cho công chức thực hiện nhiệm vụ chứng thực.

Thực tế khi thực hiện một số các TTHC liên quan đến chứng thực theo quy định phải trả kết quả trong ngày như: Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy

tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản ... đã tạo áp lực lớn đối với Chủ tịch UBND cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, có thể gây quá tải trong công tác điều hành, quản lý hành chính nhà nước ở địa phương hoặc dẫn đến tình trạng chậm trễ, ách tắc hồ sơ, không đáp ứng được nhu cầu chứng thực của người dân và doanh nghiệp một cách kịp thời. Để giúp các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác chứng thực, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 4158/BTP-BTTP ngày 11/7/2025 và Công văn số 7369/BTP-BTTP ngày 17/11/2025 hướng dẫn Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế ủy quyền, phân công nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 4 Điều 40 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan cho một số cán bộ, công chức giữ chức vụ như: Phó Chủ tịch UBND xã, Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã... Tuy nhiên, hướng dẫn về cơ chế ủy quyền, phân công nhiệm vụ của Bộ Tư pháp tại Công văn số 4158/BTP-BTTP ngày 11/7/2025 và Công văn số 7369/BTP-BTTP ngày 17/11/2025 tại một số nơi vẫn chưa đáp ứng được việc giải quyết tại chỗ một số thủ tục hành chính đơn giản nếu số lượng hồ sơ nộp nhiều, cùng một thời điểm, dẫn đến kéo dài thời gian chờ đợi của người dân và doanh nghiệp.

Vì vậy, căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại khoản 8 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 để quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực để Chủ tịch UBND cấp xã chủ động trong việc xem xét, ủy quyền cho công chức thực hiện việc chứng thực khi đáp ứng đủ điều kiện là cần thiết.

Từ các lý do nêu trên, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Hoàn thiện cơ sở pháp lý để Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương quyết định việc ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã trong thực hiện lĩnh vực chứng thực theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; qua đó, tăng cường hoạt động hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương cấp xã và kịp thời giải quyết yêu cầu cho người dân.

12.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 112/2025/NQ-HĐND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc uỷ quyền

Điều 4. Phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã uỷ quyền trong lĩnh vực chứng thực

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

13. Nghị quyết số 113/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác tại các xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

13.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 113/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và hết hiệu lực từ ngày 31/12/2027.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Theo điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh quy định: “*Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp*”. Đồng thời, khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 quy định: “*Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính*”.

Thực hiện Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025, tỉnh Lai Châu sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã từ 106 xã, phường, thị trấn xuống còn 38 xã, phường; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp có

tác động trực tiếp đến một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động từ tỉnh, huyện đến các xã công tác hoặc một số xã hợp nhất, việc di chuyển đến trụ sở làm việc mới đặt ra nhiều khó khăn đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động như thay đổi chỗ ở, sinh hoạt gia đình, ảnh hưởng đến đời sống cá nhân, chặng đường di chuyển từ nơi ở đến nơi làm việc mới xa (khoảng cách từ trung tâm xã cũ đến trung tâm xã mới sau sáp nhập: có 40 xã/106 trên 7km; 15/106 xã trên 15km; 10/106 xã trên 20km; có 01/106 xã trên 50km - Từ trung tâm xã Nậm Chà cũ đến trung tâm xã Mường Mô mới sau sáp nhập là 50,7km)... Đặc biệt, trong giai đoạn đầu sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, điều kiện về cơ sở vật chất tại địa điểm làm việc mới còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều cán bộ, công chức, viên chức đi thuê nhà hoặc ở nhờ nhà người thân...

Từ những lý do nêu trên, việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác tại các xã, phường khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức sớm ổn định công tác và cuộc sống, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đến công tác tại các xã, phường do sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức sớm ổn định công tác và cuộc sống, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương.

13.3 Nội dung chủ yếu

Nghị Quyết số 113/2025/NQ-HĐND gồm 8 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

Điều 5. Thời gian không được hưởng hỗ trợ

Điều 6. Thời gian hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 8. Điều khoản thi hành

14. Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 Bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

14.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2025.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Công văn số 6533/UBND-TH ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh về việc rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do UBND tỉnh ban hành và phát hiện một số văn bản QPPL do UBND tỉnh Lai Châu ban hành không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, không còn đối tượng áp dụng trên thực tế hoặc đã có văn bản mới của cơ quan Trung ương ban hành làm ảnh hưởng đến nội dung, hiệu lực của văn bản nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định các văn bản này hết hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật. Do đó cần thiết phải bãi bỏ để phù hợp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Theo đó, UBND ban hành Quyết định bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn nhằm tránh tình trạng UBND tỉnh phải ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

b) Mục đích ban hành

Việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấm dứt hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

Việc xây dựng một (01) quyết định để bãi bỏ nhiều quyết định quy phạm pháp luật cùng do UBND tỉnh ban hành nhằm giảm bớt đầu mối cơ quan tham mưu soạn thảo văn bản bãi bỏ; tiết kiệm thời gian, chi phí về nguồn lực cho các cơ quan có liên quan trong việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật; tiết kiệm kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

14.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các quyết định

Điều 2. Điều khoản thi hành

15. Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 Ban hành Quy định về phân cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

15.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 22/12/2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về quản lý cấp giấy phép xây dựng và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

15.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định chi tiết về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại khoản 2 Điều 103 như sau: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ công trình quy định tại khoản 3 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng thuộc chức năng và phạm vi quản lý của cơ quan này.

- Thực hiện Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, ngày 13 tháng 7 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý giấy phép và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định như sau:

+ Điểm b khoản 2 Điều 51 về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng: “b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép xây dựng hoặc phân cấp, ủy quyền cấp phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 đối với công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; công trình nhà ở riêng lẻ từ cấp II trở lên; công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế”;

+ Khoản 1 Điều 61 quy định quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn: “1.... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể về quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.”.

+ Khoản 8 Điều 121 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh: “a) Ban hành các quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; b) Phân cấp về quản lý trật tự xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn; c) Phân cấp, ủy quyền tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng, trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 cần bổ sung thêm các tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 46 Nghị định này; ...”.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng, trong đó quy định về việc phân định lại thẩm quyền đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng, chuyển một số nhiệm vụ của cấp huyện lên cấp tỉnh và xuống cấp xã.

- Ngày 08 tháng 9 năm 2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 9600/BXD-KTQLXD về việc thẩm quyền về giấy phép xây dựng, trong đó đã hướng dẫn cụ thể thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với từng cấp, ngành.

Cơ sở thực tiễn

Chính quyền địa phương 02 cấp đã đi vào hoạt động; do đó, các quy định tại Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND không còn phù hợp, cần có quy định để thực hiện cấp giấy phép xây dựng, quản lý hoạt động xây dựng tại cấp tỉnh và cấp xã.

Từ các lý do trên, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định về phân cấp cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Quy định về phân cấp cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

15.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

16. Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

16.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

16.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn

ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, ngày 26/9/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 254/2025/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, theo đó khoản 2 Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP có quy định như sau:

“..... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành để quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đảm bảo thời hạn quyết toán ngân sách nhà nước.

Cơ quan thanh toán cấp khu vực tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan tài chính cấp tỉnh và cơ quan thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

b) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và phân cấp của từng địa phương, căn cứ các quy định tại Nghị định này, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật.

Cơ quan thanh toán nơi giao dịch tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (phần Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán...”

Do đó, để thực hiện nhiệm vụ được giao; đồng thời việc báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh được đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định của UBND tỉnh nhằm thực hiện kịp thời các quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công; Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán,

quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị, Chủ đầu tư tại tỉnh Lai Châu, làm cơ sở pháp lý trong việc thực hiện trình tự, thời gian lập, gửi, xét duyệt quyết toán niên độ ngân sách vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

16.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

Điều 4. Trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Điều 6. Tổ chức thực hiện

17. Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

17.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2025.

17.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Hiện tại việc quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thực hiện theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, tuy nhiên một số nội dung của Quy định về quản lý hoạt động đo lường ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND viển dẫn đến điều, khoản của cấp trên đã bị sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ như: Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số

10/2022/TT-BKHCN ngày 28/7/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2025/TT-BKHCN ngày 04/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, một số cơ quan cấp tỉnh đã được hợp nhất như: Sở Tài nguyên và Môi trường hợp nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng hợp nhất với Sở Giao thông vận tải thành Sở Xây dựng; Cục Quản lý Thị trường thành Chi cục Quản lý Thị trường thuộc Sở Công Thương đi vào hoạt động kể từ ngày 01/3/2025 và chức năng, nhiệm vụ thanh tra của Sở Khoa học và Công nghệ cũng được chuyển sang Thanh tra tỉnh theo quyết định của UBND tỉnh kể từ ngày 01/6/2025. Đồng thời, mô hình chính quyền địa phương 3 cấp được thay thế bằng chính quyền địa phương 2 cấp, cấp huyện đã kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025. Vì vậy, một số nội dung của Quy định hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND không còn phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật.

Do đó, để việc quản lý nhà nước về hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống pháp luật và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, địa phương mới hình thành sau sắp xếp thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu phù hợp với các văn bản của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tế của tỉnh Lai Châu đảm bảo sự đồng bộ, minh bạch, tránh chồng chéo, nhằm lẫn trong thực thi pháp luật; phân cấp quản lý nhà nước về đo lường thuộc phạm vi quản lý của ngành Khoa học và Công nghệ cho UBND xã, phường để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã).

17.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND gồm 13 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 4

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 4

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 7

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 9

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 9

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 và khoản 5 của Điều 13

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 14

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung các điểm c,d,g, khoản 1 của Điều 15

Điều 9. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 của Điều 17

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 của Điều 18

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 23

Điều 12. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND

Điều 13. Điều khoản thi hành

18. Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

18.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

18.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại điểm a khoản 1 Điều 19 Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính Nhà nước, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND, được sửa đổi bổ sung bởi Quyết

định số 01/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Quy chế đã được áp dụng trong việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương theo hai cấp đảm bảo tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, một số cơ quan cấp tỉnh đã được sắp xếp lại như: hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ với Sở Thông tin và Truyền thông để thành lập Sở Khoa học và Công nghệ, hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để thành lập Sở Tài chính...; Đồng thời, mô hình chính quyền địa phương 3 cấp được thay thế bằng chính quyền địa phương 2 cấp, cấp huyện đã kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025. Do đó, một số nội dung quy định tại Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND, được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh đã không còn phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.

Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, khoa học của hệ thống pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương mới hình thành sau sắp xếp và giúp dễ tra cứu, viện dẫn áp dụng thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu, thay thế Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND là cần thiết và đúng với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu để đảm bảo tính chính xác, an toàn, bảo mật và hiệu quả trong việc quản lý thông tin, tài liệu của một tổ chức hoặc cơ quan, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, xử lý văn bản, hồ sơ công việc, và hỗ trợ điều hành, chỉ đạo tác nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, giúp nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng cường tính minh bạch, chính xác trong quản lý và điều hành.

18.3 Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 2. Hiệu lực thi hành**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

* Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm 3 Chương 22 Điều;

Chương I. Quy định chung**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh**Điều 2.** Đối tượng áp dụng**Điều 3.** Giải thích từ ngữ**Điều 4.** Nguyên tắc áp dụng**Điều 5.** Quản lý thiết bị lưu khoá bí mật**Điều 6.** Phương thức chuyển đổi chữ ký và con dấu sang chữ ký số**Điều 7.** Đầu mối gửi, nhận văn bản điện tử**Chương II.** Những quy định cụ thể**Điều 8.** Nguyên tắc gửi, nhận văn bản điện tử**Điều 9.** Tiếp nhận và xử lý văn bản đến**Điều 10.** Xử lý và phát hành văn bản điện tử đi**Điều 11.** Quy trình ký số văn bản điện tử**Điều 12.** Soạn thảo, kiểm tra nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**Điều 13.** Nội dung và yêu cầu thông tin của văn bản điện tử**Điều 14.** Mã hoá văn bản điện tử**Điều 15.** Quản lý, lưu trữ văn bản điện tử**Điều 16.** Tổng hợp thông tin, tình hình gửi, nhận văn bản điện tử**Chương III.** Tổ chức thực hiện**Điều 17.** Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**Điều 18.** Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Quản lý văn bản và điều hành

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính**Điều 21.** Trách nhiệm của Sở Nội vụ**Điều 22.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

19. Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

19.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 về việc sửa đổi Điểm c, Khoản 1, Điều 7 của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

19.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

“2. Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm của địa phương, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;

b) Việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm;

c) Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm”.

Vì vậy, việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT là rất cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, đạt hiệu quả và phù hợp với thực tiễn của tỉnh Lai Châu; đồng thời, thay thế các Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 và Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND

ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh.

19.3 Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 2. Điều khoản thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

* Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm 4 Chương 12 Điều;

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II. Trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Điều 7. Trách nhiệm của Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục phổ thông, Giám đốc các cơ sở giáo dục thường xuyên

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở dạy thêm

Chương III. Quản lý và sử dụng kinh phí dạy thêm, học thêm

Điều 9. Quản lý và sử dụng kinh phí dạy thêm, học thêm trong nhà trường

Điều 10. Quản lý và sử dụng kinh phí dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường

Chương IV. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra

Điều 12. Xử lý vi phạm

20. Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

20.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày

19/12/2025.

20.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Nghị định số 18/2014/NĐ-CP, ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, ngày 22/7/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, thực hiện chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hiện nay nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được hợp nhất, sáp nhập; chính quyền địa phương cấp huyện đã kết thúc hoạt động, chính quyền cấp xã đã được kiện toàn và đi vào hoạt động ổn định từ ngày 01/7/2025. Do đó, một số quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh không còn phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp tổ chức, bộ máy như: Trách nhiệm quản lý nhà nước về báo, chí; thẩm quyền chi trả chế độ nhuận bút cho các tác phẩm, chương trình phát trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã...

Vì vậy, để bảo đảm công tác quản lý nhà nước và chi trả chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin, tuyên truyền trên địa bàn tỉnh phù hợp tình hình thực tế của địa phương, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng theo quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với các quy định hiện hành, là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

20.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn

tỉnh Lai Châu

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 3. Điều khoản thi hành

21. Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu

21.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 25/12/2025

21.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; Nghị định số 278/2025/NĐCP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu.

Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, theo đó UBND các huyện, thành phố và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố kết thúc hoạt động, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường, chính quyền địa phương cấp xã mới đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025; người làm việc tại các hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh chuyển sang Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quản lý. Đồng thời, ngày 03/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 194/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; ngày 22/10/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số

278/2025/NĐ-CP quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; các Nghị định này thay thế nhiều quy định trước đây, đặc biệt là về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, phương thức kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

Trước những thay đổi đó, một số nội dung quy định tại Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu đã không còn phù hợp. Nếu không kịp thời sửa đổi, việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ gặp khó khăn, ảnh hưởng đến công tác quản lý nhân sự trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Do đó, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu là cần thiết, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

b) Mục đích ban hành

Hoàn thiện các quy định về quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bảo đảm thống nhất với các quy định pháp luật mới của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

Bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia được thông suốt, đồng bộ và an toàn thông tin.

21.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND như sau:

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, cập nhật, sử dụng, khai thác, phê duyệt dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND như sau:

Điều 3. Điều khoản thi hành

22. Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh

22.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2026

22.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: “*Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp*” được bổ sung bởi điểm i khoản 22 Điều 1 Nghị định 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ: “*Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất... 22. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP như sau:...*i) *Bổ sung cụm từ “(có xem xét đến yếu tố diện tích đất được phép xây dựng, diện tích không được phép xây dựng mà chỉ sử dụng vào mục đích làm cảnh quan, phụ trợ)” sau cụm từ “từng mục đích sử dụng đất” tại điểm a khoản 1 Điều 26*”.

Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm của cơ quan tài chính: “*Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước theo quy định tại Điều 26, 27 và 28 Nghị định này*”.

Việc thực hiện Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh đến nay đảm bảo phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025, đơn vị hành chính gồm 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã) không còn tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện và Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025. Vì vậy, mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá tại Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh không còn phù hợp quy định; đồng thời ngày 09 tháng 12 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 104/NQ-HĐND về sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 thống nhất mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất,

thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh là cần thiết, đảm bảo theo quy định.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

22.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND gồm 2 Điều;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

Điều 2. Điều khoản thi hành

23. Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 Phân cấp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

23.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2026.

23.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Nghị định số 124/2025/NĐ-CP, ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo có quy định trách nhiệm của UBND tỉnh trong tiếp nhận và giải quyết các đề nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo như: điểm b khoản 1 Điều 14: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội có trách nhiệm tiếp nhận văn bản thông báo của người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong nhiều xã thuộc tỉnh”; điểm b khoản 1 Điều 17: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh”; điểm b khoản 1 Điều 19: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có

quy mô tổ chức ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh”; điểm b khoản 1 Điều 20: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức quyền góp tiếp nhận thông báo bằng văn bản của người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc tổ chức quyền góp trên địa bàn nhiều xã thuộc tỉnh”.

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP cũng quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định tại Nghị định này phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và khả năng, điều kiện thực tiễn của địa phương”. Thực hiện nghị định này, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2868/UBND-VX ngày 14/6/2025 về triển khai Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025, “việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước phân cấp, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới, trách nhiệm của cơ quan nhà nước phân cấp và cơ quan nhà nước được phân cấp”.

Như vậy, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo là cần thiết và đáp ứng kịp thời nhu cầu giải quyết về tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời thực hiện việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh chủ động thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tăng cường trách nhiệm và chủ động giải quyết kịp thời các vấn đề, nội dung liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Lai Châu.

Xác định rõ thẩm quyền giải quyết các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, khách quan, công khai, minh bạch, chính xác trong thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp.

23.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 100/2025/QĐ-UBND gồm 4 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Phân cấp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, gồm:

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Dân tộc và Tôn giáo

Điều 4. Hiệu lực thi hành

24. Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: Số 41/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024; số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024; số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024; số 21/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và thị trường bất động sản.

24.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2026.

24.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Nghị định được ban hành nhằm bảo đảm việc phân định thẩm quyền được thực hiện một cách minh bạch, hiệu quả, không chồng chéo; đồng thời thực hiện phân cấp một cách đồng bộ, tổng thể và liên thông giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan, trên cơ sở pháp lý rõ ràng, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

Trước đó, để quản lý và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quy định (trong đó đã phân cấp, phân định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện):

(1) Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

(2) Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng

chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

(3) Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(4) Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Cơ sở thực tiễn

Một số nhiệm vụ của cấp huyện trước đây đã được phân cấp, điều chuyển về cho cấp xã thực hiện. Mặt khác, một số sở, ngành đã sáp nhập, giải thể, chuyển chức năng, nhiệm vụ về các sở, ngành tương đương.

Các nội dung phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh không còn phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, một số nội dung đã được ban hành tại các Quy định nêu trên không còn phù hợp.

Từ những lý do nêu trên, việc UBND ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: Số 41/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024; số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024; số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024; số 21/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và thị trường bất động sản là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Tạo cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm được giao; tạo sự thống nhất, đồng bộ trong các quy định và trong việc phân định trách nhiệm giữa các đơn vị, địa phương về hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và thị trường bất động sản. Đồng thời, bảo đảm hoạt động quản lý được duy trì liên tục, thông suốt, tránh tình trạng gián đoạn, chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

24.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 101/2025/QĐ-UBND gồm 5 Chương 9 Điều;

Chương I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung thực hiện luật nhà ở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Bãi bỏ một số cụm từ tại Điều 3 Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND

như sau:

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND như sau:

Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 3. Thay thế cụm từ tại Điều 3 Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND như sau:

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND như sau:

Chương III. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 5. Thay thế cụm từ tại Điều 3 Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND như sau:

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND như sau:

Chương IV. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân Dân tỉnh ban hành quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 7. Thay thế cụm từ tại Điều 3 Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND như sau:

Điều 8. Thay thế một số từ, cụm từ tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND như sau:

Chương V. Điều khoản thi hành

Điều 9. Điều khoản thi hành

25. Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Phân cấp trong quản lý nhà nước đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng.

25.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2026 hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

25.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Nghị định được ban hành nhằm bảo đảm việc phân định thẩm quyền được thực hiện một cách minh bạch, hiệu quả, không chồng chéo; đồng thời thực hiện phân cấp một cách đồng bộ, tổng thể và liên thông giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan, trên cơ sở pháp lý rõ ràng, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn. Theo đó, một số nội dung phân định thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, cụ thể là:

* Phân cấp trong quản lý kiến trúc

- Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị

+ Khoản 2 Điều 13 Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định: “2. Công trình kiến trúc có giá trị không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, đánh giá hằng năm, lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị để tổ chức quản lý.”.

+ Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định: “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.”.

+ Điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;”.

- Lập quy chế quản lý kiến trúc (bao gồm quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn)

+ Khoản 4 Điều 14 Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định: “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành; đối với quy chế quản lý kiến trúc của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I là thành phố trực thuộc trung ương thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.”.

+ Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định: “1. Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy chế quản lý kiến trúc.”.

+ Điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “a) *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về lập quy chế quản lý kiến trúc theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;*”.

- Phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn đối với các điểm dân cư nông thôn

+ Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định: “5. *Đối với quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành.*”.

+ Điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “a) *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;*”.

* Phân cấp trong quản lý phát triển đô thị

- Tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai

+ Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP quy định: “3. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp, có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai*”.

+ Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “2. *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trách nhiệm bên tiếp nhận bàn giao quy định tại khoản 3 Điều 4, điểm c khoản 6 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.*”.

- Tiếp nhận bàn giao quản lý trong khu đô thị đối với các đô thị trên địa bàn trừ trường hợp bên tiếp nhận bàn giao được quy định theo pháp luật chuyên ngành hoặc là đơn vị có thẩm quyền quản lý được giao trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; thống nhất với chủ đầu tư, báo cáo kết quả bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi; tổ chức cung cấp dịch vụ đô thị hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp để quản lý sau bàn giao

+ Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP quy định: “3. *Ủy ban nhân*

dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp, có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

- Điểm c khoản 6 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP) quy định: “*c) Bên tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm: tiếp nhận bàn giao theo quy định; thống nhất với chủ đầu tư, báo cáo kết quả bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để theo dõi; tổ chức cung cấp dịch vụ đô thị hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc doanh nghiệp để quản lý sau bàn giao;”*

- Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “*2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức thực hiện hoặc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trách nhiệm bên tiếp nhận bàn giao quy định tại khoản 3 Điều 4, điểm c khoản 6 Điều 38 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.”*

** Phân cấp trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch*

- Ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã

+ Điểm a khoản 6 Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c Khoản 5 Điều 1 Nghị định 98/2019/NĐ-CP) quy định: “*a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân) tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước, có sự tham gia của các địa phương trong vùng cấp nước”*

+ Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP quy định: “*1. Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan được ủy quyền với đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn”*

+ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “*1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 31, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm*

2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch”.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo các quy định của pháp luật

+ Điều 8 Thông tư số 08/2012/TT-BXD (được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 6 Thông tư 09/2025/TT-BXD) quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo các quy định của pháp luật”.*

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý

+ Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: *“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ”.*

* Phân cấp về thoát nước và xử lý nước thải

- Quy định về chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước

Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: *“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.”.*

- Quy định việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận

Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định: *“3. Việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận được quản lý thống nhất theo lưu vực. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phân cấp, quản lý thống nhất các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; phối hợp với các địa phương liên quan tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.”.*

- Quy định chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định: “1. Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý hoặc đơn vị thoát nước được giao là chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn do mình quản lý”.

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý

Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “2. Phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý”.

* Phân cấp về chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác

Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định: “4. Việc chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp”.

Cơ sở thực tiễn

Mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, đến nay đã cơ bản ổn định. Một số nhiệm vụ của cấp huyện trước sắp xếp đã được phân cấp, điều chuyển về cho cấp xã thực hiện.

- Về quản lý kiến trúc: Nội dung phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý kiến trúc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022. Tuy nhiên, Quyết định này đã bị bãi bỏ tại Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025.

- Về quản lý phát triển đô thị; sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; thẩm quyền chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác: Chưa có quy định.

Từ những lý do nêu trên, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp trong quản lý nhà nước đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Tạo cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ trong quản lý nhà nước về kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

25.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND gồm 8 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Phân cấp trong quản lý kiến trúc

Điều 4. Phân cấp trong quản lý phát triển đô thị

Điều 5. Phân cấp trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch

Điều 6. Phân cấp về thoát nước và xử lý nước thải

Điều 7. Phân cấp về chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác

Điều 8. Hiệu lực thi hành

26. Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

26.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2026.

Quyết định này bãi bỏ các quy định: Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Điều 1 Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

26.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, trong đó quy định: *“Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương”*.

Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công; Công điện số 165/CD-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao đời sống Nhân dân; Công văn số 15285/BTC-QLCS ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 14426/BTC-QLCS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính triển khai xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đã quy định: *“Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra giám sát; khẩn trương ban hành phân cấp thẩm quyền quyết định về tiêu chuẩn định diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ”*.

Tại Công văn số 14388/BTC-NSNN ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc phối hợp triển khai các nhiệm vụ khi tổ chức mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã quy định: *“Kịp thời ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương để triển khai quản lý, sử dụng tài sản công, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công”*.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024. Các quyết định phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đáp ứng yêu cầu quản lý, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sử dụng; bảo đảm việc mua sắm, sử dụng máy móc, thiết bị đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ để ban hành các Quyết định nêu trên đã được thay thế, bãi bỏ (Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg đã thay thế Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg).

Đồng thời, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, theo đó, một số nhiệm vụ giao cho cấp huyện đã được chuyển về cấp tỉnh hoặc cấp xã.

Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn,

định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định nhằm thực hiện kịp thời các quy định quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương tại tỉnh Lai Châu, làm cơ sở pháp lý trong việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

26.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND gồm 7 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã được quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

27. Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

27.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày

10/01/2026.

Quyết định này bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; Điều 2 Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

27.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, trong đó, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có một số điểm được điều chỉnh so với quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cụ thể:

(1) Về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc: Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP quy định: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với cơ quan, tổ chức thuộc địa phương quản lý)”. Điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định: “đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức của địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này”.

(2) Về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp: Nghị định số 152/2017/NĐ-CP không quy định. Điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định: “đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với đơn vị của địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản này”.

(3) Về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp: Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP quy định: 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định: *“b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này”* và tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định *“3. Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của đơn vị và các quy định khác có liên quan, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp khác của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này”*.

Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công; Công điện số 165/CD-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao đời sống Nhân dân; Công văn số 15285/BTC-QLCS ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 14426/BTC-QLCS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính triển khai xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đã quy định: *“Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra giám sát; khẩn trương ban hành phân cấp thẩm quyền quyết định về tiêu chuẩn định diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ”*.

Công văn số 14388/BTC-NSNN ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc phối hợp triển khai các nhiệm vụ khi tổ chức mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã quy định: *“Kịp thời ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương để triển khai quản lý, sử dụng tài sản công, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công”*.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số

59/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024. Các quyết định phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đáp ứng yêu cầu quản lý, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sử dụng; bảo đảm việc đầu tư, bố trí sử dụng diện tích trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ để ban hành các Quyết định nêu trên đã được thay thế, bãi bỏ (Nghị định số 155/2025/NĐ-CP đã thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP).

Đồng thời, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, theo đó, một số nhiệm vụ giao cho cấp huyện đã được chuyển về cấp tỉnh hoặc cấp xã.

Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Quyết định nhằm thực hiện kịp thời các quy định quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 155/2025/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương tại tỉnh Lai Châu, làm cơ sở pháp lý trong việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp.

27.3 Nội dung chủ yếu

Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND gồm 6 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp

Điều 6. Điều khoản thi hành

28. Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

28.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2026.

28.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ : “đ) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ bán hàng, tỷ lệ lấp đầy để áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”; điểm đ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP “đ) Căn cứ thông tin về các dự án tương tự trong khu vực định giá hoặc khu vực lân cận gần nhất, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các tỷ lệ % để xác định chi phí kinh doanh; chi phí lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư có tính đến vốn chủ sở hữu, rủi ro trong kinh doanh cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”.

Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng để làm cơ sở so sánh giá trị các yếu tố lợi thế của thửa đất cần định giá với thửa đất so sánh nhằm xác định sự chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất; đồng thời, tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ, quy định: “Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất để xác định mức tương đồng nhất định, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quy định hoặc quy định còn thiếu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thì tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất cụ thể trong Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất để Hội đồng thẩm định giá đất xem xét, quyết định”.

Cơ sở thực tiễn

Trên địa bàn tỉnh Lai Châu chưa có quy định một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất. Do đó, trong thời gian qua, công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu gặp nhiều khó khăn do thiếu hướng dẫn chi tiết trong việc áp dụng phương pháp thặng dư, đặc biệt các khu đất có tiềm năng phát triển như đất thương mại, dịch vụ; đất ở kết hợp sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu là rất cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng Quyết định ban hành Quy định một số nội dung xác định giá đất theo phương pháp thặng dư và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khi Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định của Chính phủ để áp dụng trong công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

28.3 Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

* Quy định Một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm 2 Chương 6 Điều;

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II. Quy định cụ thể

Điều 3. Tỷ lệ lấp đầy

Điều 4. Thời gian bán hàng, tỷ lệ bán hàng, tỷ lệ % để xác định chi phí kinh doanh; chi phí lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư

Điều 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng

yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

29. Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

29.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2026.

29.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

...Ban hành văn bản để quy định:

Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định này và điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ;...”

- Tại Điều 15 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 và thay thế Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc.

2. Các chính sách quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT được thực hiện đến hết năm 2024. Chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ năm 2025.”

Do đó, để tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh bán trú và có cơ sở xác định học sinh đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân tỉnh cần ban hành Quyết định Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và

trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

29.3 Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Địa bàn, khoảng cách làm căn cứ để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

Điều 3. Điều khoản thi hành

Trên đây là thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2025, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh)
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐTTH PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT sở Tư pháp (đăng tải);
- Lưu: VP, HC&PBPL.

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Hải